

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026**ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI GHÉP (GHÉP 3 ĐỘ TUỔI)**

(Ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-MNQĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc Ban hành Kế hoạch Giáo dục mầm non Năm học 2025-2026 của trường Mầm non Quảng Đức)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn		
1	Trẻ được ăn theo chế độ, khẩu phần, số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi; ăn đúng thực đơn.	- Trẻ ăn chế độ ăn : Com thường + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 1230-1320 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại trường của trẻ/ngày: (chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày:) 615 - 726 Kcal. - Số bữa ăn tại trường của trẻ: 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: Chất đạm (13%-20%), chất béo (25%-35%), chất bột (52%-62%), - Xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần theo mùa phù hợp với địa phương.
2	Trẻ ăn ngon miệng, hết xuất.	- Rèn thói quen ăn hết xuất - Tổ chức bữa ăn dưới các hình thức khác nhau
3	Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định	- Rèn thói quen uống nước hàng ngày: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống phù hợp theo mùa.
Tổ chức ngủ		

4	Trẻ được ngủ đủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút)	- Tổ chức giờ ngủ cho trẻ đảm bảo: Đồ dùng, không gian, giờ ngủ, tư thế ngủ...
Vệ sinh		
5	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Tạo một số thói quen vệ sinh cá nhân cho trẻ: - Sử dụng đồ dùng có kí hiệu riêng (khăn mặt, cốc, tủ cá nhân) và được vệ sinh hàng ngày.
6	Môi trường cho trẻ đảm bảo vệ sinh.	- Tổ chức vệ sinh lớp học, đồ dùng đồ chơi, vệ sinh ngoài sân trường - Giữ sạch nguồn nước sinh hoạt và xử lí rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
7	Trẻ được chăm sóc và theo dõi sức khỏe định kì.	- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm - Cân đo định kì cho trẻ 3 tháng/ lần. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối hợp với phụ huynh phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
8	Trẻ được đảm bảo an toàn khi ở trường, lớp	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ - Rà soát và loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn ở lớp, trường - Phòng tránh một số tai nạn thường gặp
9	Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng	- Thực hiện phòng chống các dịch bệnh thường gặp (cúm, thủy đậu, đau mắt đỏ...), dịch bệnh covid-19 - Phối hợp với phụ huynh theo dõi tiêm chủng của trẻ, uống vacxin

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU GIÁO DỤC				NỘI DUNG GIÁO DỤC		
	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
1. Lĩnh vực GD phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động						
1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Trẻ thực hiện đầy đủ, đúng nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, bắt đầu kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải.	- Hô hấp: + Thở ra, hít vào sâu; Hít vào thở ra sâu. - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Đưa ra trước, gập khuỷu tay + Đưa 2 tay ra trước, về phía sau + Đánh xoay tròn 2 vai - Lưng, bụng: + Đứng cúi người về trước + Ngồi, cúi người	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẩy tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Bụng, lưng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ, chân bước sang phải, sang trái.

				+ Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; Ngồi xổm; Đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. Hoạt động khác: Các bài dân vũ phù hợp độ tuổi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	về trước, ngửa ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi quay người sang bên - Chân: + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khụy gối + Đứng nhún chân, khụy gối. + Đứng, 1 chân nâng cao - gập gối. + Ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng + Bật lên trước, ra sau, sang bên Hoạt động dân vũ khác phù hợp với độ tuổi. - Lồng ghép tăng	+ Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau . - Hoạt động khác: Các bài dân vũ phù hợp với độ tuổi - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt:
--	--	--	--	--	---	--

					cường tiếng Việt.	
2	Trẻ thực hiện được các vận động bật (Bật tại chỗ, bật xa tối thiểu 25cm...)	Trẻ thực hiện được các động tác bật.	Trẻ bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật liên tục qua 3 vòng - Bật xa 20-25cm. - Bật sang bên phải, bên trái - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm). - Bật tách khớp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, khớp chân qua 7 ô + Bật xa 50cm + Bật qua vật cản 15-20cm - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
3	Trẻ có thể bật nhảy từ trên cao xuống 20 cm	- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 30 cm	Trẻ nhảy xuống từ độ cao 40cm (CS2)	- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhảy từ trên cao xuống 30 cm xuống - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt	- Nhảy từ trên cao xuống 40-50cm xuống (Bật sâu) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
4	Trẻ tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	Trẻ tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m).	Trẻ ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (CS3)	- Tung bắt bóng với cô. - Tung bóng lên cao bằng hai tay. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bóng với người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4 m. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4m - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
5			Trẻ phối hợp tay	- Ném xa bằng một	- Ném xa bằng 1	- Ném xa bằng 1 tay

	Trẻ thực hiện được vận động ném xa, ném trúng đích	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném trúng đích, ném xa	mắt trong vận động ném trúng đích, ném xa	tay.; Ném xa bằng hai tay. Ném trúng đích đứng (xa 1m x cao 1m) - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	tay/2 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (đích xa 1,2 - 1,4m) - Lòng ghép TCTV	- Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng (Xa 2m, cao 1,5m) - Ném trúng đích nằm ngang - Lòng ghép TCTV
6	Trẻ thực hiện được vận động bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm)	Trẻ biết trèo lên xuống thang (thang leo); trèo qua ghế dài.	Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS4)	- Bước lên, xuống bậc cao 30 cm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống thang 5 giống thang. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Trèo lên xuống ghế thể dục - Trèo lên, xuống 7 giống thang - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
7	Trẻ có thể giữ thăng bằng để nhảy lò cò một chân theo khả năng	Trẻ biết nhảy lò cò ít nhất 3m	Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhảy lò cò 3m. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Nhảy lò cò 5m + Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô (ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
8	Trẻ tự lăn, đập, bắt bóng được 3 lần liên tiếp	Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Trẻ đập và bắt bóng bằng 2 tay. (CS10)	- Tập đập và bắt bóng với cô - Đập và bắt bóng 3 lần liên tiếp. - Lăn bóng với cô - Lòng ghép tăng	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay. - Đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng.

				cường tiếng Việt.		- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
9	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể để thực hiện vận động đi trong đường 3-4 điểm đích dắc	Trẻ bước liên tục trên ghế thể dục hoặc vạch kẻ thẳng trên sàn.	Trẻ đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25 x 0,35m). (CS11)	- Đi theo đường đích dắc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt	+ Đi trên ghế thể dục . + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	+ Đi mép ngoài bàn chân. + Đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn). + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đi thăng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu của cô. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
10	Trẻ có khả năng đi lên, xuống ván dốc với sự giúp đỡ của cô giáo	Trẻ có khả năng đi lên, xuống ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m	Trẻ biết đi lên, xuống ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m	+ Đi trên ván kê dốc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt		
11	Trẻ đứng 1 chân và giữ thăng người trong 5 giây	Trẻ đứng 1 chân và giữ thăng người trong 8 giây	Trẻ biết đứng 1 chân và giữ thăng người trong 10 giây	- Đứng một chân, giữ thăng bằng trong 5 giây	- Đứng một chân, giữ thăng bằng trong 8 giây	- Đứng một chân, giữ thăng bằng trong 10 giây - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
12	Trẻ có khả năng	Trẻ thể hiện	Trẻ chạy 18m	+ Chạy 10 m trong	+ Chạy 15 m trong	- Chạy theo hướng

	chạy 10m trong khoảng 10 giây	nhanh mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp chạy liên tục 15 m trong khoảng thời gian 10 giây.	trong khoảng thời gian 5-7s (CS12)	khoảng 10 giây. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	khoảng 10 giây. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	thẳng 18m không hạn chế thời gian. - Chạy theo hướng thẳng 18m trong khoảng 5-7 giây. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
13	Trẻ chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	Trẻ chạy liên tục 60-80m.	Trẻ chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian (CS13)	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chạy chậm 60-80m. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chạy chậm 120 - 150m. - Chạy liên tục 150m - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
14	Trẻ đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	Trẻ đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn đặt dích dắc.	Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi theo đường dích dắc. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Đi thay đổi hướng dích dắc theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
15		Trẻ biết bò chui	Trẻ bò/trườn	- Bò theo hướng thẳng; - Bò chui qua	- Bò chui qua cổng, ống dài (1,2 x 0,6m)	+ Bò bằng bàn tay, bàn chân. + Bò chui qua ống

	Trẻ bò trong đường hẹp (3mx0,4m) không chệch ra ngoài; trườn theo hướng thẳng, đích dắc.	qua cổng, chui qua ống dài. Bò trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc cách nhau 2m) không lệch ra ngoài. Biết trườn theo hướng thẳng.	vòng qua 5-7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	cổng. - Bò trong đường hẹp. - Bò theo đường đích dắc. - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn theo đường đích dắc qua 3 điểm - Trườn về phía trước. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Bò bằng bàn tay bàn chân 3-4m. - Bò bằng bàn tay bàn chân theo đường đích dắc . - Bò trong đường zích zắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn chui qua cổng. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	dài 1,5m x 0,6m + Trườn kết hợp trèo qua ghế (dài 1,5m x 30cm) + Bò đích dắc qua 7 điểm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
16	Trẻ thực hiện chuyên bắt bóng 2 bên	Trẻ chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.	Trẻ chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân	- Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang; hàng dọc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chuyên, bắt bóng qua đầu qua chân. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
17	Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 20p	Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 25p	Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30p (CS14)	- Tham gia từ đầu cho đến kết thúc một hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Không có dấu hiệu mệt mỏi khi tham gia vào các hoạt động như: Ngáp, ngủ gật.		
18			Trẻ tự mặc và cởi được áo(CS5).	- Đan, tết. Cài, cởi cúc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Cài cúc, cởi cúc - Kỹ năng mặc áo, cởi áo. - Xâu dây, buộc	- Cài, cởi hết cúc, kéo khóa, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ

	Trẻ biết tự cài, cởi cúc.	Trẻ biết tự cài cúc áo, buộc dây, kéo phéc mơ tuya			dây - Kỹ năng khâu hột, hạt. - Kỹ năng mặc áo phao, thắt dây an toàn khi tham gia giao thông (taxi) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	tuya). - Mặc áo đúng cách, cài và mở được hết các cúc áo. - Kỹ năng mặc áo phao - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
19	Trẻ thực hiện được vận động xoay tròn cổ tay	Trẻ thực hiện vận động cuộn - xoay tròn cổ tay.	Trẻ thực hiện được các vận động uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay, gập mở lần lượt từng ngón tay.	- Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Luyện tay: Búng ngón tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, vặn, - Vo , xoáy, xoắn , vặn, búng ngón tay. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tập các loại cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; Gập, mở lần lượt từng ngón tay; bẻ nắn... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
20	Trẻ thực hiện được vận động gập đan ngón tay vào nhau.	Trẻ thực hiện được các vận động gập, mở các ngón tay.	Trẻ phối hợp các cử động bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Gập, đan các ngón tay vào nhau. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Gập, giở sách; Đóng, mở nắp hộp. - Dùng tay tạo hình thành các con vật; đan tết sợi đôi, cài, cởi cúc, buộc dây giày - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tô, đồ theo nét - Lắp ráp, xếp chồng - Kỹ năng đội mũ bảo hiểm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
21			Trẻ tô màu kín không chườm ra	- Tô vẽ nguệch ngoạc.	- Cầm bút đúng cách tô vẽ hình.	- Cầm bút đúng cách.

	Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu.	Trẻ vẽ được hình người, nhà, cây.	ngoài đường viền các hình vẽ. (CS6)	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tô màu mịn, đều không chòem ra ngoài nét vẽ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
22	Trẻ cắt thẳng được một đoạn 10cm.	Trẻ cắt thành thạo theo đường thẳng.	Trẻ cắt theo các đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (CS7)	- Xé, dán giấy. Sử dụng kéo, bút. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Xé cắt đường thẳng. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Cắt theo đường thẳng, cong - Cắt theo đường viền của hình - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
23	Trẻ biết xếp chồng 8-10 khối không đổ.	Trẻ biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	Trẻ dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn (CS8)	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Lắp ghép hình. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Ghép hình và dán hình đã cắt theo mẫu - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
24	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7-21,2 kg + Trẻ gái: 12,3-21,5 kg	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 Kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 Kg	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7-21,2 kg + Trẻ gái: 12,3-21,5 kg	- Rèn cho trẻ thói quen ăn ngủ đúng giờ, đảm bảo nhu cầu năng lượng một ngày - Khám sức khỏe theo định kỳ (2 lần/năm), cân đo trẻ (3 tháng/lần) theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng. Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối kết hợp với gia đình trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì - Rèn thói quen tập thể dục thường xuyên cho trẻ		

	- Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9-111,7 cm + Trẻ gái: 94,1-111,3 cm	- Chiều cao: + Trẻ trai 100,7 - 119,2cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9cm.	- Chiều cao + Trẻ trai: 94,9-111,7 cm + Trẻ gái: 94,1-111,3 cm			
25	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm (thịt, cá tôm..., có nhiều chất đạm; rau, quả,...có nhiều vitamin và muối khoáng).	Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm, giàu vitamin và muối khoáng.	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng). - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tên gọi, giá trị dinh dưỡng của một số thực phẩm thông dụng. - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Chơi trò chơi - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
26	Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Kể tên một số thức ăn đặc trưng của địa phương (Măng rừng xào, dưa chua xào, trám kho cá...) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn và cách bảo quản. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Kể tên các món ăn thông thường hàng ngày như rau luộc, cá kho, canh, gạo nấu cơm, thịt kho...và cách chế biến đơn giản. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một

						số món ăn, thức uống: Rán trứng, pha nước cam... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
27	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều thức ăn khác.	Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	Trẻ biết và không ăn uống một số thức ăn có hại cho cơ thể. (CS20)	- Nhận biết một số thức ăn không có lợi cho sức khỏe - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
28	Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo... với sự giúp đỡ của người lớn	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước do Bộ Y tế quy định. - Rèn thói quen rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.		
29	Trẻ biết rửa mặt, đánh răng khi có sự giúp đỡ của người lớn.	Trẻ biết tự rửa mặt, đánh răng khi được nhắc nhở.	Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (CS16)	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh răng miệng đối với sức khỏe con người - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
				- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, rửa mặt - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
30	Trẻ có thói quen chải đầu buộc tóc gọn gàng trước khi đến	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	Trẻ giữ đầu tóc, quần áo gọn	- Thực hiện thói quen vệ sinh trước khi đến lớp: đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ. - Giữ gìn quần áo sạch sẽ, thay quần áo hàng ngày - Kỹ năng tự phục vụ.		

	lớp		gàng. (CS18);		- Vuốt tóc khi tóc rối; chỉnh quần áo gọn gàng sau khi ngủ dậy, sau khi đi vệ sinh. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	
31	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	Trẻ biết đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định khi được nhắc nhở.	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi qui định: nhà vệ sinh bé trai, bé gái; kí hiệu trên nhà vệ sinh bé trai, bé gái - Lợi ích của việc đi vệ sinh đúng nơi quy định		
					- Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
32	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ, thức ăn.	Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn uống hàng ngày.	- Kỹ năng sử dụng ca, cốc, thìa, bát, bình uống nước...	- Dạy trẻ kỹ năng sử dụng thìa, bát, đĩa, kẹp gấp thức ăn. Rót nước từ bình ra cốc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
33	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	Trẻ có hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Dạy trẻ hành vi văn minh trong khi ăn: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nhiều nước. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Nhận biết một số đồ ăn nhẹ (ăn vặt) lành mạnh - Lợi ích của thói quen ăn uống lành mạnh : Ăn uống đủ chất, cân đối và vệ sinh, uống nhiều nước và ăn sáng.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt		

34	Trẻ thực hiện được một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe khi được nhắc nhở	Trẻ có một số hành vi tốt về vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc ấm khi trời lạnh, đi giày, dép khi đến lớp. - Một số biểu hiện khi ốm: Người mệt mỏi; biếng ăn, nhức đầu, sổ mũi,..	
				- Nhận biết trang phục theo thời tiết - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết; Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi ngủ dậy, sáng ngủ dậy....	
35	Biết thực hiện một số hành động đơn giản khi ho, hắt hơi theo hướng dẫn	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. Khi được nhắc nhở	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS17)	- Một số hành vi văn minh nơi công cộng biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
					- Thái độ, việc làm của bé khi thấy bạn ho, hắt hơi, ngáp không che miệng
36	Trẻ nhận ra và tránh một số đồ vật gây nguy hiểm	Trẻ nhận ra và không đến gần, không chơi một số vật dụng nguy hiểm.	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS21)	- Nhận biết và phòng tránh một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (bếp lò đang đun, phích nước nóng, ổ cắm điện, dao nhọn...)	
					- Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm. - Không sử dụng những đồ vật dễ gây nguy hiểm
37	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hồ vôi...) khi được nhắc nhở.	Trẻ có thể nhận ra những nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS23)	- Nhận biết những nơi không an toàn: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, nơi có nhiều người và xe cộ qua lại, chợ, cột điện, nơi có vật liệu nổ, nơi dễ cháy nổ.... - Tìm hiểu một số khu vực có thể gây nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
				- Đi giữa lòng đường, nô đùa, chạy nhảy, không quan sát 2 bên	- Nhận biết một số nơi không an toàn, nguy hiểm: Nơi có nhiều người và xe cộ đi lại, chợ, cột điện, nơi dễ cháy nổ. + Cách chơi an toàn tại các khu vực trong

				đường khi qua đường	trường
38	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS22).	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Không tự ý uống thuốc - Không ăn những loại thức ăn ôi thiu, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; biết nhắc nhở người lớn không uống rượu, bia. - Nhận biết sự nguy hiểm từ cách vận hành của xe máy, xe đạp: Bỏ xe khi nóng, tay ga khi xe chưa tắt máy, bánh xe đang quay... - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp: Không được ngồi trên đầu xe, giỏ xe, không được đứng trên xe, không ngồi ngược chiều của xe... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
39	Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp (cháy, bị lạc....).	Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (CS25)	- Nhận biết một số dấu hiệu khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại của gia đình, người thân khi bị lạc. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
40	Trẻ biết không đến gần người đang hút thuốc lá khi được nhắc nhở	Trẻ nhận ra người đang hút thuốc lá và biết không đến gần người đang hút	Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc lá. (CS26)		Tập luyện một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra (Bị khóa trái cửa trong nhà vệ sinh; bị ngã xuống hố; bị con vật cắn)
					- Nhận biết biển cấm hút thuốc và tìm hiểu tác hại của thuốc lá với sức khỏe của con người; cách phòng tránh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành

		thuốc lá			động.
41	Nhận ra người lạ và không đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp	- Nhận ra người lạ không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	Trẻ không đi theo, không nhận quà người lạ khi chưa được người thân cho phép. (CS24)	- Nhận biết một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm cho kẹo bánh, uống nước ngọt rủ đi chơi; Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp, khi không được phép của người lớn, cô giáo.	- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
42	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường khi được nhắc nhở	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Một số quy định: Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy + Không leo trèo cây, ban công, tường rào. + Sử dụng điện, nước an toàn: Không tự ý mở nước, cắm điện, nghịch điện, nước.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
2. Phát triển tình cảm kĩ năng xã hội					
43	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình (CS27)	- Họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ....	- Nói địa chỉ nhà (thôn bản), số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố, mẹ (Nếu có)... - Nghề nghiệp của bố mẹ - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
44	Trẻ có thể nói với người lớn trang phục trẻ muốn chọn	Trẻ biết chọn trang phục theo ý thích của trẻ	Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (CS28)	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai, bạn gái. - Những điều bé thích, không thích	- Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn trai, bạn gái. (Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy..., bạn trai nhường nhịn và làm các công việc nặng hơn các bạn gái, sẵn sàng giúp đỡ các bạn gái trong các công việc)
45					- Sở thích, khả năng riêng của bản thân.

	Trẻ có thể nói được những điều bé thích, bé không thích	Trẻ nói được những điều bé thích, bé không thích, những việc bé có thể làm được.	Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân; (CS29)		- Điểm giống và khác nhau của mình với bạn khác - Những điều nên làm và không nên làm. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
					- Giải thích lý do những việc mà mình có thể làm được và không thể làm được - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
46	Trẻ mạnh dạn tham gia các hoạt động,	Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân. (CS30)	- Tham gia hoạt động nhóm với các bạn, đóng các vai chơi Tập luyện các kỹ năng giao tiếp, phối hợp với bạn trong khi chơi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Tự lựa chọn các trò chơi, Đồ chơi yêu thích.	- Ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi theo ý thích của bản thân: - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
47	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua giọng nói, qua tranh ảnh	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua giọng nói, cử chỉ qua tranh ảnh	Trẻ biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS35)	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, qua tranh qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
48				- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người	

	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Cảm xúc của bé trên khuôn mặt (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) - Gương mặt của bé, hành động của bé khi vui, buồn, sợ hãi.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
49	Trẻ biết thể hiện một số hành động đơn giản để an ủi bạn	Biết an ủi, chia sẻ đồ chơi cho bạn	Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè (CS37)	- Hành động của bé khi bạn bị ốm, buồn, vui, sợ hãi...	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của trẻ và cảm xúc của người khác: An ủi người thân hay bạn bè khi bị ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ; Chúc mừng đồng viên, khen ngợi cô vũ bạn, người thân có niềm vui: mừng sinh nhật, bạn có quần áo mới...
50	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên	Trẻ nhận ra cái đẹp và thích thú trước cái đẹp	Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)	- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật - Bộc lộ tính cách của mình trước cái đẹp - Thể hiện lời nói bày tỏ sự thích thú của mình trước cái đẹp	
51	Trẻ nhận biết được nét đặc trưng cơ bản trong văn hóa truyền thống của dân tộc Dao Thanh y	Trẻ nhận biết được một số đặc trưng trong nét văn hóa truyền thống của dân tộc Dao Thanh Y	Trẻ có ý thức giữ gìn, tôn trọng văn hóa truyền thống của dân tộc Dao Thanh Y	- Tìm hiểu một vài nét đẹp về văn hóa truyền thống của xã Quảng Đức: Trang phục dân tộc Dao Thanh Y, tiếng nói, lễ cấp sắc, lễ hội Sóng Mun, lễ hội sôi ba màu... - Làm quen hoa văn, màu sắc... đặc trưng trên trang phục. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
52	Trẻ có khả năng thể hiện một số hành động chăm sóc cây cối, vật nuôi với sự giúp đỡ của người lớn	Biết thể hiện một số hành động để chăm sóc cây cối, vật nuôi	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Tổ chức một số hoạt động chăm sóc con vật, cây cối: tưới, nhổ cỏ, lau lá cây, cho con vật ăn... - Quan tâm hỏi han về sự phát triển cách chăm sóc cây cối và con vật quen thuộc.. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
53	Trẻ biết thực hiện một số việc	Trẻ biết thực hiện một số	Trẻ biết thay đổi hành vi và thể	- Thái độ và việc làm của bé tại lớp, gia đình: Nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người thân đang mệt, trong giờ ngủ, nói chuyện	

	đơn giản để chăm sóc cây cỏ con vật	hành vi phù hợp với hoàn cảnh	hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)	riêng trong giờ học, trêu đùa khi bạn đang mệt . - Lòng ghép giáo dục an toàn giao thông		
					- Tập luyện kĩ năng ứng xử, giao tiếp trong các hoàn cảnh khác nhau: Chia tay bạn trong lớp; bạn buồn; bạn bị ngã đau; sinh nhật bạn;.	- Cảm xúc của bản thân - Thể hiện cảm xúc của mình trước hoàn cảnh cụ thể - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
54	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc khi được người lớn an ủi	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc tiêu cực và kiềm chế cảm xúc khi được an ủi	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)	- Các tình huống tiêu cực có thể xảy ra tại trường, lớp: Khi cô giáo nhận xét về kết quả không đúng, khi bạn trêu đùa,... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt		
						- Trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực như: Đánh bạn, gào khóc..Khi được người khác giải thích, an ủi, chia sẻ - Trẻ sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc tiêu cực (Khó chịu, tức giận...) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân
55	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	Trẻ nhận ra hình ảnh bác Hồ, Lăng Bác.	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa danh	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh - Kính yêu Bác Hồ. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt		

			gắn với hoạt động của Bác Hồ như: Chỗ ở, nơi làm việc.		- Nhận biết lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ
56	. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua bài hát, kể chuyện... về Bác	- Hát các bài hát, nghe các bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
57	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	Trẻ có ý thức cố gắng hoàn thành công việc được giao	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31)	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Thái độ của bé khi thực hiện công việc được giao: Vui vẻ, thích thú và cố gắng thực hiện công việc		
						- Nhanh chóng thực hiện công việc, tự tin khi thực hiện, không chờ đợi sự giúp đỡ của người khác.
58	Trẻ biết thể hiện niềm vui khi được khen	Trẻ có thể thể hiện hành động vui mừng khi hoàn thành nhiệm vụ được giao	Thể hiện sự thích thú khi hoàn thành công việc (CS32)	- Vui vẻ khi nhận công việc được giao - Tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía hoặc nâng niu, vuốt ve. - Nói về sản phẩm của mình với người khác. - Cất sản phẩm cẩn thận.		
59	Trẻ có thể làm một số công việc	Trẻ có ý thức tự giác làm một số	Trẻ biết chủ động làm một số	- Cất dọn đồ chơi sau khi chơi. - Rửa tay trước khi ăn.		

	đơn giản theo cô	công việc đơn giản ở lớp	công việc đơn giản hàng ngày (CS33)		- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động: tự rửa mặt, rửa tay, tự mặc quần áo, tự sắp xếp đồ dùng gọn gàng.
60	Trẻ mạnh dạn trả lời câu hỏi khi được hỏi	Có thể bày tỏ ý kiến của mình khi được nhắc nhở	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS34)	- Trả lời các câu hỏi - Bày tỏ ý kiến của bản thân khi được cô hỏi, khi tham gia hoạt động; đồng ý, không đồng ý trước ý kiến của bạn và người lớn - Chủ động nói với người lớn tình trạng sức khỏe của bản thân hàng ngày.	
					- Nói được ý kiến của bản thân mình về hậu quả của việc không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông - Nói hỏi, hoặc trả lời các câu hỏi lưu loát rõ ràng - Nêu ý kiến của bản thân trong các tình huống người lớn đặt ra.
61	Trẻ thích chơi cùng bạn.	Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi trong nhóm chơi. (CS42)	- Nhanh chóng nhập cuộc vào nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.	
62	Trẻ thực hiện được một số quy	Trẻ thực hiện được một số quy	Trẻ thực hiện một số quy định	Một số quy định (cất xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh giành đồ chơi..) - Vâng lời ông bà, bố mẹ - Rèn kỹ năng ngồi trên xe đạp, xe	- Cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy. - Một số quy định tại nơi công cộng: Không bẻ cành, hái hoa; không vứt rác bừa bãi; đi lề bên phải đường

	định ở lớp và gia đình	định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	ở lớp, gia đình và nơi công cộng	máy an toàn - Quy định khi tham gia giao thông: không được qua đường một mình, muốn qua đường phải được người lớn nắm tay, dẫn dắt.	- Quy định khi tham gia giao thông: Nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, đi bộ bên phải đường, không được qua đường một mình.....
63	Trẻ biết giao tiếp nói chuyện với bạn và người thân	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và biết giao tiếp với người lớn khi được trò chuyện	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi (CS43)	- Một số hoạt động giao tiếp của bé với các bạn, cô giáo, các cô các bác trong trường. - Hành vi, cử chỉ, điệu bộ của bé khi trò chuyện với cô và các bạn: Chào hỏi trước, vui tươi, trả lời các câu hỏi của cô và bạn - Mạnh dạn tự tin trong giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi với trẻ.	
					- Sử dụng ngôn ngữ mạch lạc giao tiếp - Trao đổi với bạn và người lớn gần gũi khi cần thiết.
64	Trẻ biết chia sẻ đồ chơi với bạn	Trẻ biết thực hiện một số hành động để chia sẻ, giúp đỡ bạn	Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS44)	- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.	
					- Kể cho bạn về chuyện vui, buồn của mình - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm
65	Trẻ thực hiện	Trẻ thực hiện	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi	- Bé giúp đỡ các bạn trong các hoạt động hàng ngày (Lấy đồ chơi giúp bạn, kê ghế giúp bạn...	

	được một số hoạt động đơn giản để giúp đỡ bạn	được một số hoạt động đơn giản để giúp đỡ bạn	người khác gặp hoạn nạn khó khăn. (CS45)		- Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy người thân trong gia đình cần sự trợ giúp và khi được yêu cầu. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
66	Nói được tên, sở thích giới tính của một số bạn cùng chơi	Nói được tên, sở thích giới tính của một số bạn cùng chơi	Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên (CS46).	- Tên; sở thích các bạn thường chơi với bé - Các bạn mà bé thích cùng chơi - Chơi hòa thuận với bạn.	
					- Thích chơi với nhóm bạn có cùng sở thích; Vị trí và trách nhiệm của mình trong nhóm bạn. - Quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ cảm xúc của mình với các bạn trong nhóm chơi.
67	Trẻ biết xếp hàng chờ đến lượt theo hướng dẫn	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS47)	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Bày tỏ ý kiến của mình khi người khác nói xong. - Kỹ năng xếp hàng, đi theo hàng, tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.	
68	Trẻ chú ý nghe cô và bạn nói	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác (CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để thực hiện.	
					- Thực hiện yêu cầu do cô và bạn đặt ra.
69	Trẻ biết thực hiện một số	Biết trao đổi, thỏa thuận với	Trao đổi ý kiến của mình với các	Các hành vi, cử chỉ của bé khi nghe người khác nói: Chú ý nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói, đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang người nói.. - Trao đổi, chia sẻ về ý kiến với các bạn	

	hành vi cử chỉ khi nghe người khác nói	bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	bạn (CS49)		- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình với các bạn trong nhóm hoặc người lớn gần gũi.	- Chia sẻ kinh nghiệm của mình với người khác hoặc nhóm bạn.
70	Trẻ biết đoàn kết với bạn trong khi chơi	Biết chia sẻ đồ chơi giúp đỡ bạn khi chơi	Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (CS50)	- Thái độ, cử chỉ của bé trong khi chơi với các bạn: Vui vẻ, hợp tác, chơi đoàn kết.		
						- Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn
71	Trẻ biết tỏ thái độ vui vẻ khi được phân công nhiệm vụ	Trẻ biết thể hiện sự đồng ý hay không đồng ý khi được phân công nhiệm vụ	Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS51)	- Kể tên các công việc vừa sức trẻ - Thực hiện tốt các công việc được giao - Chủ động và độc lập trong công việc được bạn hoặc cô giáo phân công		
72	Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ có sự giúp đỡ của người lớn	Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình cùng người lớn	Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (CS52)	- Thực hiện đúng công việc của mình		
					- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.	
73	Trẻ nói được bạn thích chơi đồ chơi gì khi được hỏi	Trẻ có thể nói được khả năng, sở thích của bạn trong lớp	Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân. (CS58)	Sở thích của bạn cùng chơi	- Khả năng, sở thích của bạn trong lớp	- Nhận biết 1 số khả năng của bạn bè, người gần gũi - - - Nói được 1 số sở thích của bạn bè và người thân
74	Trẻ nhận ra sự khác biệt của mình và bạn	Trẻ nhận ra sự khác biệt của mình với bạn	Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với		- Trang phục, giọng nói, tính cách của bé và các bạn - Sự khác biệt của mình với bạn và người	

	khác có sự giúp đỡ của người lớn		mình. (CS59)		lớn. - Chấp nhận sự khác biệt của mình với người khác và biết đón nhận sự khác biệt của khác với mình
75	Trẻ nhận ra những việc không công bằng trong khi hoạt động nhóm	Trẻ biết cách chia sẻ tạo sự công bằng trong nhóm khi tham gia hoạt động	Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (CS60)	Thái độ, ý kiến của bé trước sự việc không công bằng	
					- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong lớp, trong nhóm. - So sánh nhận xét sự chênh lệch về đồ dùng đồ chơi, thức ăn giữa các bạn trong nhóm. - Tôn trọng ý kiến của bạn trong nhóm chơi.
76	Trẻ biết thực hiện một số hành vi không làm ảnh hưởng đến người khác khi được hướng dẫn.	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác khi được nhắc nhở	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác; (CS53)	- Những việc làm của bé khiến cho người khác vui (buồn): ăn hết xuất cô vui; lễ phép cô vui; chơi không đoàn kết với bạn cô buồn - Cảm nhận về thái độ, cử chỉ của cô giáo, người thân và bạn bè.	
					- Nhận ra việc làm sai trái của mình và sửa chữa. - Mạnh dạn xin lỗi bạn hoặc cô giáo khi mình làm sai. - Hành vi văn hóa khi sử dụng các dịch vụ giao thông như tắc xi...
77	Trẻ biết chào hỏi		Trẻ có thói quen	- Sử dụng các câu Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi phù hợp hoàn	

	và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép	chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54)	cảnh. - Xưng hô lễ phép đúng lúc; Thể hiện sự lễ phép, lịch sự với bạn bè và người lớn xung quanh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
78	Trẻ có thể nói được ý muốn của mình khi được hỏi	Trẻ nói rõ những ý muốn của trẻ với người khác	Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS55)	- Hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn (Muốn đi vệ sinh; bị lạc, bị đau bụng; bê vật nặng; lấy đồ vật ở trên cao,...)	- Nhận biết những hoàn cảnh cần giúp đỡ - Mạnh dạn trong giao tiếp - Mạnh dạn đề nghị bạn và người khác giúp đỡ mình hoặc giúp đỡ bạn khi cần thiết. - Nhận ra sự cần giúp đỡ của người khác	
79	Trẻ nhận ra một số hành vi tốt – xấu; đúng sai theo hướng dẫn	Trẻ có thể nhận ra một số hành vi đúng - sai; Tốt - xấu.	Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (CS56)	Nhận biết hành vi "đúng" - "sai"; "tốt" - "xấu"	- Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu" của con người đối với môi trường
80	Trẻ có thể thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường khi được nhắc	Trẻ thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường	Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày (CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi, đồ dùng đúng nơi, ngăn nắp, gọn gàng; tham gia quét, lau chùi nhà cửa - Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. Tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước...		

	nhỏ					Thái độ, tình cảm với cô, bác làm nghề trên biển; vệ sinh môi trường
81	Trẻ có khả năng nhận biết các hành vi xâm hại	Trẻ biết các hành vi xâm hại và cách bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ bị xâm hại.	Trẻ biết các hành vi xâm hại và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ bị xâm hại.	- Nhận biết các hành vi xâm hại, hành vi bạo hành trẻ em.		
					- Biết một số hành động tự bảo vệ bản thân khỏi xâm hại và kêu gọi sự giúp đỡ khi bị người khác có hành vi xâm hại - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
	3. Phát triển ngôn ngữ					
	Nghe					
82	Trẻ biết lắng nghe lời người khác nói	Trẻ có thể nghe và hiểu câu nói có tốc độ khác nhau	Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS61)	- Nhận ra cảm xúc vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên sợ, hãi, tức giận của người khác qua lời nói		
					- Nghe các câu nói có tốc độ nhanh, chậm, to, nhỏ theo tình huống và hoàn cảnh cụ thể	
						- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói; thông cảm, chia sẻ với người khác.
83				Nghe và thực hiện được từng yêu cầu của cô		

	Trẻ có thể nghe và thực hiện được yêu cầu đơn giản	Trẻ có thể nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu	Trẻ nghe và hiểu, thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 – 3 hành động (CS62)	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Thực hiện được theo lời chỉ dẫn các hành động có liên quan trực tiếp; - Thực hiện đúng thứ tự các chỉ dẫn;	
84	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi (CS63)	Nghe các từ khái quát về các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ: con vật, cây cối, hoa lá, phương tiện giao thông		
				- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Nghe, hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng.	- Lựa chọn các vật, hiện tượng tập hợp theo nhóm; - Hiểu nghĩa từ khái quát, từ trái nghĩa - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
85	Trẻ có thể nghe và hiểu nội dung các câu chuyện, bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, câu đố phù hợp với độ tuổi dưới sự hướng dẫn của người lớn.	Trẻ có thể nghe và hiểu nội dung các câu chuyện, bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, câu đố phù hợp với độ tuổi.	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi. (CS64)	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe các bạn đọc.....). Lồng ghép giáo dục ATGT		
						Nói chủ đề và giá trị đạo đức của câu chuyện, tính cách nhân vật chính trong câu truyện.
86	Trẻ chăm chú lắng nghe và nhìn vào người	Chăm chú lắng nghe và thể hiện ánh mắt, cử chỉ	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói.		

	đang nói	với người đang nói	cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74)			
	Nói					
87	Trẻ có thể phát âm rõ ràng để người khác hiểu được	Trẻ có thể phát âm các tiếng có chứa âm khó	Trẻ biết nói rõ ràng. (CS65)	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, hoạt động của người, sự vật, con vật	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu; Nói rõ ràng các từ ngữ; - Phát âm rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được; - Sử dụng lời nói rõ ràng, dễ dàng, thoải mái, điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ điệu	
					- Phát âm các tiếng có chứa âm khó. khuya, con Hươu, khuy áo...)	- Phát âm được các âm khó: N-L; X- S, R - D . - Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi.
88	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. (CS66)	- Sử dụng chính xác các từ chỉ tên gọi của sự vật, hiện tượng. - Thể hiện tình cảm của bản thân với sự vật hiện tượng qua lời nói.		
					- Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống giao tiếp VD: Sao hôm nay bạn xinh thế ? - Miêu tả được hành động của con người, con vật, sự thay đổi của thiên nhiên,..	
89	Biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn,	Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao	- Nghe các loại câu đơn, câu đơn mở rộng	- Các loại câu đơn, câu ghép -Trả lời và đặt các	- Dùng các câu đơn, câu ghép, câu cầu khiến, câu khẳng

	thoại	câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	tiếp. (CS67)	- Trả lời các câu hỏi: cái gì? ở đâu? Làm gì?	câu hỏi: "ai"? "cái gì"? "ở đâu"? "khi nào"? "để làm gì"?	định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác; - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? - Đặt các câu hỏi "Tại sao?"; "Như thế nào"?
90	Trẻ có thể nói lên ý muốn của mình để người khác hiểu.	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. (CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Đặt các câu hỏi: Ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Có thể nói được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông	- Nói rõ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của mình bằng cử chỉ nét mặt. (cười, cau mày) để diễn đạt ý tưởng của bản thân. - Nói được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, kinh nghiệm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau; - Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng khi được người lớn yêu cầu.

91	Trẻ có thể sử dụng lời nói để trò chuyện với cô và bạn	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69)	Sử dụng lời nói để trò chuyện cùng với bạn và cô giáo		
					- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn (VD: Trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...)	
					- Hợp tác, chia sẻ cùng bạn về một vấn đề nào đó;	- Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình; - Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và các h/động.
92	Biết sử dụng các từ “vâng ạ, dạ, thưa” trong giao tiếp	Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống.	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (CS72)	- Nói các từ "vâng ạ", "dạ", "thưa" ... trong giao tiếp.	- Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau - Cuộc trò chuyện được kéo dài và vui vẻ.	
					Nói các từ cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt,...trong các tình huống phù hợp	- Các tình huống trò chuyện với cô và các bạn - Sử dụng ngôn ngữ để thiết lập các mối quan hệ
93	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình	- Thái độ của bé khi người khác đang nói: Chú ý lắng nghe; không nói truyện, trả lời câu hỏi khi được hỏi,... - Cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ của bé khi người khác nói		

		cảnh khi được nhắc nhở	huống và nhu cầu giao tiếp. (CS73)		- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu trong giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm, nói to hơn khi phát biểu ý kiến...nói nhanh hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vấn đề chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt
94	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác khi được nhắc nhở	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói lời người khác	
					- Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.
95	Trẻ biết hỏi lại một số câu hỏi đơn giản có người lớn hướng dẫn	Trẻ biết đặt câu hỏi để hỏi lại những điều người khác nói	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)	- Thái độ, hành động của bé khi không hiểu người khác nói: Tiếp tục lắng nghe, ánh mắt nhìn về người nói, chăm chú, suy nghĩ...	
					- Dùng câu hỏi để hỏi lại những điều chưa hiểu. Thể hiện được các cử chỉ, điệu bộ...ý muốn làm rõ các sự việc mình đã hiểu hoặc chưa hiểu
96	Trẻ có thể sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép khi được hướng dẫn	Trẻ có thể sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép khi được nhắc nhở	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn, như: Xin chào,tạm biệt,cảm ơn.... - Tập luyện kỹ năng chào hỏi, giao tiếp thường gặp trong hoạt động hàng ngày của bé: Nhận quà, gặp người lớn tuổi, trò chuyện với bạn,...	
97	Trẻ nói các từ biểu thị sự lễ	Trẻ phân biệt được lời nói	Không nói tục, chửi bậy. (CS78)	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.	

	phép theo hướng dẫn	ngoan và chưa ngoan		- Nhận biết, ý thức nói tục, chửi bậy là chưa ngoan, không lễ phép, không lịch sự		
98	Trẻ có thể kể lại sự việc có sự hướng dẫn của người lớn	Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được	Trẻ có thể kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được (CS70)	- Kể lại sự việc đơn giản	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	- Kể lại sự việc theo trình tự, logic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.
99	Trẻ có thể kể lại câu chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Trẻ có thể kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ	- Kể chuyện theo chủ đề tự chọn, kể chuyện tự do.	- Kể lại được truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại sự việc về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.
100	Trẻ có thể kể lại được câu chuyện, bắt chước giọng nói của nhân vật	Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện và đóng vai nhân vật trong chuyện	Biết kể chuyện theo tranh.(CS85)	- Tập đặt tên cho truyện được nghe - Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi - Kể chuyện theo tranh - Đóng kịch		
					- Kể chuyện theo kinh nghiệm	- Sắp xếp tranh theo đúng thứ tự nội dung chuyện; - Kể theo trình tự tranh liên hoàn; - “Đọc” thành một câu chuyện có bắt đầu, diễn biến và kết thúc một cách hợp

						lý.
101	Trẻ có thể kể lại nội dung câu chuyện đơn giản đã được nghe	Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc có mở đầu, kết thúc	Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các cách. (CS120)	Kể lại câu truyện theo nội dung sẵn có	- Nghe kể chuyện, hiểu và nắm rõ nội dung câu chuyện - Đặt tên mới cho câu truyện nhưng không mất đi ý nghĩa của câu truyện. - Mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện.	
102	Trẻ có thể thể hiện nhịp điệu, sắc thái của các bài thơ, ca dao, đồng dao...dưới sự hướng dẫn của người lớn	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	Đọc rõ ràng, biểu cảm phù hợp với bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè theo chủ đề		- Đọc, hiểu nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	Làm quen với đọc và viết					
103	Trẻ thích thú khi được làm quen với chữ viết	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS79)	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện	- Đọc chữ ở các góc trong lớp; chữ trên tường; cửa lớp mà trẻ biết - Đọc chữ cái đã biết trên sách, báo, vở các sản phẩm, tranh ảnh mà trẻ biết	- Nhận biết và phát âm đúng những chữ cái đã học. - Chỉ và đọc cho bạn hoặc người khác những chữ cái đã học ở môi trường xng quanh, trong sách, truyện... - Tham gia vào hoạt động, nghe cô đọc sách, hỏi người lớn những chữ chưa biết.

104	Trẻ thích được người lớn đọc sách cho nghe	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách (CS80)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giở sách kể theo nội dung tranh vẽ	
					- Trẻ thích thú khi được đọc sách truyện, biết giữ gìn sách khi sử dụng. - Xem tranh dự đoán các tình huống có thể xảy ra - Tìm sách để đọc.
105	Trẻ biết giữ gìn sách	Bước đầu có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81)	- Giữ gìn sách	- Giữ gìn và bảo vệ sách, + Giở cẩn thận từng trang khi xem, không quăn, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách + Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng. - Nhắc nhở hoặc không đồng tình khi bạn làm rách sách; bắn khoăn khi thấy cuốn sách bị rách và mong muốn cuốn sách được phục hồi
106	Trẻ có thể nhận ra một số ký hiệu đơn giản theo hướng dẫn	Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu thông thường, biểu tượng trong cuộc sống.	Trẻ biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...). - Nhận biết ký hiệu đồ dùng cá nhân của mình - Nhận biết một số kí hiệu đơn giản tại trường: Nhà vệ sinh cho bạn trai, gái; khu vui chơi;... - Nhận biết các kí hiệu về thời tiết	
107	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và xem sách	Trẻ phân biệt được trang mở đầu và kết thúc của sách	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)	- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: - Thể hiện cách cầm sách.	
					- Thể hiện lời đọc theo văn của trẻ khi xem sách. - Hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.

					- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách.	
108	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh hoạ và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Trẻ biết “Đọc” Các nội dung trong tranh	Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS84)	- Xem tranh ảnh, gọi tên các nhân vật trong tranh	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - “Đọc” thành tiếng (theo trí nhớ) có nội dung phù hợp với tranh.	
				- Xem tranh, ảnh về ẩm thực, các lễ hội của địa phương		
109	Trẻ có thể hiểu một số từ dưới tranh dưới sự hướng dẫn của cô giáo	Trẻ hiểu một số từ trong tranh, truyện khi được người lớn giải thích	Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (CS86)	- Nghe đọc các từ dưới tranh	- Các từ trong tranh, truyện	- Hiểu về nội dung tranh ảnh; - Mục đích ý nghĩa của chữ; - Dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu thay cho lời nói.
110	Trẻ có thể dùng hành động đơn giản để diễn tả ý muốn của trẻ khi được hỏi	Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87)	- Vẽ tranh hoặc dùng các hành động đơn giản để diễn tả suy nghĩ, tình cảm của bản thân		
						- Thể hiện những ký hiệu của mình theo nhu cầu. - Tạo ra những biểu tượng, hình mẫu. - Sao chép các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản

						thân.
111	Trẻ thích “viết” nguệch ngoạc	Trẻ có thể tô, xếp các nét chữ theo hình vẽ	Trẻ thích bắt chước hành vi và sao chép từ, chữ cái. (CS88)	- Thích “Viết” Nguệch ngoạc	- Tô, đồ các nét chữ - Xếp từ, chữ cái từ nguyên vật liệu thiên nhiên: Hạt hạt, sỏi, lá cây....	
						- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình
112	Trẻ biết cách cầm bút và viết nguệch ngoạc trên sân trường	Trẻ viết tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	Trẻ biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (CS89)	Cầm bút, phân "viết" các nét nguệch ngoạc trên giấy, trên sân trường	- Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. - Vẽ dạng hình tròn theo chiều từ trái sang phải. - Tập xếp chữ theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới.	- “Viết” tên của mình - Nhận ra tên của mình trên các ký hiệu đồ dùng cá nhân và sao chép
113	Trẻ biết cách đọc theo hướng dẫn của cô giáo	Trẻ có thể nhận ra hướng viết của mỗi số chữ cái theo hướng dẫn	Viết tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (CS90)	- Làm quen với cách viết tiếng Việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; Hướng viết của các nét chữ - Ngồi đúng tư thế, cầm viết đúng; - Viết tô viết chữ theo yêu cầu;		
114	Trẻ có thể phát âm được một số chữ cái theo hướng dẫn	Trẻ có thể nhận dạng được một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91)	- Đọc các chữ cái, các từ theo cô	- Nhận dạng được một số chữ cái	- Nhận dạng các chữ cái - Nhận biết chữ in thường, in hoa, chữ viết thường;
4. Phát triển nhận thức						
Khám phá khoa học						
115	Trẻ biết tên gọi,	- Trẻ nói đúng	Trẻ thể hiện một	- Tìm hiểu về các bộ phận của cơ thể con người		

	chức năng của các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể người	tên gọi, chức năng của các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể	số hiểu biết về chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể con người.	+ Tên gọi một số bộ phận trên cơ thể; + Các giác quan và chức năng của chúng; + Cơ thể cần gì để lớn lên và khỏe mạnh - Một số bộ phận “nhạy cảm” trên cơ thể và cách bảo vệ. - Hoạt động Steam: Bàn tay robot - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
116	Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét , tìm hiểu đối tượng như nhìn, nghe, ngửi, sờ.... để nhận ra đặc điểm của đối tượng.	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như như kết hợp nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm.... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Khám phá và nhận ra đặc điểm của đối tượng bằng cách sử dụng toàn bộ các giác quan		
					- Trẻ quan sát, xem xét, phỏng đoán các sự vật và hiện tượng xung quanh. Nét giống và khác nhau của sự vật, hiện tượng.	
117	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	- Các hoạt động thí nghiệm: vật chìm vật nổi....	- Các hoạt động thí nghiệm: Pha màu, đường, muối vào nước....	- Các hoạt động thí nghiệm: Gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển

118	Trẻ biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	Trẻ biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	Trẻ biết phân loại một số đồ dùng đồ chơi thông thường theo công dụng, chất liệu. (CS96)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
					- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
119	Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, của một số phương tiện giao thông quen thuộc	Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	Trẻ có hiểu biết về phương tiện giao thông và một số quy định giao thông đơn giản.	- Nhận biết đặc điểm và công dụng của một số PTGT - Quy định khi giao thông : Nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, đi bộ bên phải đường, không chơi đùa dưới lòng đường, không đùa nghịch khi ngồi trên tàu xe... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
				- Phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu. - Biết 1 số dịch vụ giao thông như taxi, xe khách...	- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 -3 dấu hiệu. - Nhận biết một số dịch vụ khi tham gia giao thông: Nơi bán vé xe, vé tàu phà, taxi, xe khách... - Hoạt động Steam: Chế tạo ô tô

						- Nhận biết một số biển báo hiệu giao thông đường bộ
120	Trẻ gọi đúng tên và có thể nhận ra một số đặc điểm nổi bật của các con vật, cây, hoa quả	Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số con vật, cây, hoa quả	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS92).	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết một số biển báo hiệu giao thông đường bộ - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Trải nghiệm: Thăm cánh đồng lúa - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
121	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật.	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS93)	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc và môi trường sống của chúng - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật - Hoạt động trải nghiệm: Trồng rau, gieo hạt - Hoạt động steam - Sự thay đổi của một số hiện tượng tự nhiên.	

					- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
122	Trẻ có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi, trường biển đảo	Trẻ có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi, trường biển đảo, tham gia bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường biển, hải đảo.	Trẻ biết ích lợi của động vật, thực vật ở biển, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi, trường biển đảo, tham gia bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường biển, hải đảo.	- Giữ gìn, bảo vệ môi trường biển đảo khi được sự hướng dẫn của người lớn.	- Tìm hiểu thức ăn giàu chất dinh dưỡng như cá tôm, các trò chơi chọn nhanh nhất những động thực vật - Khám phá trò chuyện về môi trường biển đảo Việt Nam có từ biển - Khám phá trò chuyện tài nguyên rừng... - Hoạt động Steam - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
123	Trẻ có thể nhận ra dấu hiệu của một số hiện tượng thời tiết theo mùa khi được quan sát	Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống. (CS94)	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Gọi tên và đặc điểm đặc trưng của 4 mùa trong năm. Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Tìm hiểu các mùa trong năm. + Quan sát thời tiết, và dự đoán một số hiện tượng thời tiết. + Tìm hiểu sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
124	Trẻ có thể nhận ra một số dấu hiệu của thời tiết qua tranh, ảnh	Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng thời tiết đơn giản khi được hướng dẫn, gợi ý.	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95).	- Quan sát bầu trời, thời tiết - Tìm hiểu, khám phá một số hiện tượng tự nhiên: Gió, mưa, bão, lũ lụt,.. - Một số kỹ năng đơn giản để ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		

					- Khám phá một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão, lũ lụt,...) giải thích được dự đoán của mình. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
125	Trẻ có thể đặt câu hỏi đơn giản về sự vật, hiện tượng khi được quan sát có sự giúp đỡ	Trẻ biết đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý của giáo viên	Hay đặt câu hỏi (Chỉ Số 112)	- Đặt các câu hỏi: cái gì? ở đâu? Làm gì?	- Đặt các câu hỏi: Tại sao? Vì sao?	- Tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi với cô và các bạn. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
126	Trẻ biết sử dụng các giác quan để quan sát, nhận ra đặc điểm của đối tượng	Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.	Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Quan sát, nhận biết đặc điểm các sự vật, hiện tượng xung quanh - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		
					- Làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: thí nghiệm vật chìm vật nổi, sự bay hơi của nước, sắc màu của nước.... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
127	Trẻ có thể nhận ra một số hiện tượng đơn giản	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn	Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân,	- Quan sát sự vật hiện tượng - Lồng ghép tăng	- Quan sát, nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó

	của sự vật hiện tượng khi được quan sát	giản của sự vật hiện tượng	kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (CS114)	cường tiếng Việt.	hiện tượng (thêm đường/ muối nước sẽ mặn/ ngọt) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Giải thích bằng mẫu câu: “Tại vì...nên” - Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
128	Trẻ có thể phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	Trẻ có thể tìm ra một đối tượng không cùng nhóm	Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS115)	- Tạo các nhóm đối tượng theo 1 dấu hiệu màu sắc. - Tạo các nhóm đối tượng theo 1 dấu hiệu kích thước. - Tạo các nhóm đối tượng theo 1 dấu hiệu hình dạng. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu. - Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại qua hoạt động: Thí nghiệm với nam châm, vật chìm vật nổi.... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
129	Trẻ có thể: Thực hiện một số công việc đơn giản	Trẻ có thể: Thực hiện một số công việc đơn giản, gần gũi	Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Hoàn thành, thực hiện công việc theo cách của trẻ thông qua hoạt động nhóm, cá nhân... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		

130	Trẻ có thể thực hiện được một số hoạt động đơn giản theo cách riêng của trẻ	Trẻ có thể thực hiện được một số công việc được giao mà không cần sự hướng dẫn	Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động. (CS119)	- Ý tưởng của bé đối với việc thực hiện các hoạt động: Vẽ tranh; xây dựng mô hình; lắp ghép; làm thí nghiệm; làm đồ chơi - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
						- Khuyến khích trẻ khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. Tự sáng tạo các nội dung chơi, các trò chơi phù hợp với sở thích bản thân. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
131	Trẻ có một số hiểu biết về tự nhiên khi được gợi hỏi	Trẻ có một số hiểu biết về tự nhiên.	Trẻ có một số hiểu biết về tự nhiên.	- Khám phá về một số nguồn nước và ánh sáng. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
					- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	
	Khám phá xã hội					

132	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
					- Vị trí của trẻ trong gia đình
133	Trẻ biết tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình	Trẻ biết họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình	Trẻ nói được tên, tuổi giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) - Nhu cầu của gia đình - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
134	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), ... khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (thôn bản, xã...)	- Địa chỉ gia đình (thôn bản, xã...), số điện thoại (nếu có) - Trải nghiệm: thăm nhà bạn (ở gần trường). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
135	Trẻ biết tên lớp mẫu giáo, tên	Trẻ biết địa chỉ của trường lớp, tên	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường,	- Tên gọi, địa chỉ của trường lớp; một số hoạt động trong trường, lớp. - Đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. - Các khu vực trong trường; các góc trong lớp	

			lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Công việc của các cô, các bác trong trường - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Ngoại khóa: Tham quan trường tiểu học Quảng Đức
136	Trẻ biết công việc của cô giáo trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ biết công việc của các cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo, các bạn và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Tên gọi và một vài đặc điểm của các bạn - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
137	Trẻ biết tên một số địa điểm công cộng nơi trẻ sống qua tranh, ảnh	Nhận ra một số nơi công cộng quen thuộc qua tranh, ảnh	Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/ nơi mua sắm / khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc trẻ đã được đến. Và các quy định khi tham gia giao thông ở các khu vực này. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
138	Trẻ biết tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến	Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống	Trẻ có thể kể tên một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)	- Tên gọi, đặc điểm (dụng cụ, sản phẩm), ý nghĩa của nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương Quảng Đức. - Sự khác nhau của một số nghề; Ý nghĩa nghề trồng rừng. - Chơi các trò chơi một số nghề - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
139	Trẻ gọi đúng tên cờ tổ quốc, lễ hội đất nước	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Cờ tổ quốc; Trang phục dân tộc Dao - Kể tên và nói được đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội (tết trung thu, tết nguyên đán, tết thiếu nhi, ngày nhà giáo Việt nam...). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	

140	Trẻ kể tên lam thắng cảnh của quê hương đất nước.	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh quê hương, đất nước. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
141	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống của xã Quảng Đức khi được trò chuyện.	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và nét đẹp văn hoá truyền thống của xã Quảng Đức khi được trò chuyện..	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và nét đẹp văn hoá truyền thống của xã Quảng Đức.	- Tên gọi một số cảnh đẹp, di tích lịch sử của Quảng Đức: Suối tiên, Đài tưởng niệm, cửa khẩu Bắc Phong Sinh... - Tìm hiểu về lễ cấp sắc, Tết Hàn thực, xôi ba màu... - Tìm hiểu một vài nét đẹp về văn hóa truyền thống của xã Quảng Đức: Trang phục dân tộc, tiếng nói... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
142	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm, hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng...	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi “bao nhiêu?”, “là số mấy?”...	Trẻ quan tâm đến các con số, thích nói về số lượng và đếm, hỏi “bao nhiêu?”, “đây là mấy?”...	- Đếm các vật ở xung quanh, hỏi “bao nhiêu?”, “đây là mấy?” - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
143	Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả	Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, nhận biết chữ số và số lượng và	Trẻ nhận biết con số phù hợp với số lượng	Nhận biết một và nhiều - Đếm trên đối	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết các chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10 - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.

	năng.	số thứ tự trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	trong phạm vi 10 (CS104)	tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt		
					- Nhận biết các con số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết các con số trong phạm vi 10. - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 10. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
144	Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5	Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10	Trẻ biết so sánh số lượng của 2,3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh, thêm bớt số lượng của 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất, nhiều nhất... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
145	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm và gộp 2 nhóm đối tượng có tổng trong phạm vi 5 và	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn và gộp 2 nhóm đối tượng có tổng trong phạm vi 10	Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (Chỉ Số 105).	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tách/gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	

	đếm	vi 5 đếm và nói kết quả			
146	Trẻ có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày với sự giúp đỡ của người lớn	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, trang sách, số thứ tự...) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
147	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản theo mẫu và sao chép lại	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)	- Xếp xen kẽ 1-1 - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tự xếp theo quy tắc riêng và nói ra quy tắc đó - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
					- Tạo ra quy tắc sắp xếp... - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
148	Trẻ thực hiện được một số thao tác đo đơn giản theo hướng dẫn	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng nói kết quả đo	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Tập đóng, đo đơn giản - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Lồng ghép tăng

		và so sánh			- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	cường tiếng Việt.
149	Trẻ so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn;...	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo dung tích, so sánh và nói kết quả đo	- So sánh kích thước của 2 đối tượng: Nhận ra sự giống, khác nhau về kích thước. - Các khái niệm: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn;...	- Đo dung tích một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
150	Trẻ nhận biết, gọi tên các hình và biết ghép các hình hình học theo mẫu.	Trẻ chỉ ra được hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật theo yêu cầu.	Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết hình tròn, hình vuông - Nhận biết hình tam giác, hình chữ nhật - Chắp ghép các hình hình học - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
					- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	- Phân biệt các khối theo đặc điểm tính chất. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
151	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí các phía của bản thân	Trẻ có thể xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác.	Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS108)	- Phân biệt tay phải-tay trái của bản thân - Nhận biết phía trước - phía sau của bản thân. - Nhận biết phía trên - phía dưới	- Nhận biết phía phải - phía trái, của bản thân - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái –	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn

				của bản thân. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	phía phải so với bản thân + Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên-phía dưới; phía trái – phía phải so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
152	Trẻ gọi tên thứ tự các ngày trong tuần theo cô giáo	Nhận ra số trên tờ lịch từ thứ 2 đến thứ 5 theo hướng dẫn	Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự (CS109)	- Tên các ngày trong tuần - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		- Gọi tên các thứ trong tuần theo trình tự - Tên các ngày đi học và các ngày được nghỉ học; Một số công việc thường làm với thứ 2, thứ 3 và với thứ 7, chủ nhật.... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
153	Trẻ nhận biết một số dấu hiệu đơn giản của các buổi trong ngày có sự hướng dẫn	Trẻ nhận biết các buổi trong ngày	Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày (CS110)	- Một số dấu hiệu đơn giản của các buổi trong ngày - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Kể được tên các sự kiện hàng ngày, sắp

	của cô giáo					xếp được các sự kiện đã, đang và sẽ xảy ra theo trình tự thời gian tương ứng: Hôm qua, hôm nay, ngày mai... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
154	Trẻ gọi tên các ngày trong tháng theo cô và bạn	Trẻ gọi tên các ngày trong tháng, giờ trên đồng hồ theo cô giáo	Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.(CS111)	- Gọi tên các ngày trong tháng - Đọc giờ trên đồng hồ - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		- Quan sát, tìm hiểu các chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng. - Quan sát, tìm hiểu, gọi tên các chữ số trên đồng hồ - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
5. Phát triển thẩm mỹ						
155	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui sướng, vỗ tay khi nghe âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng được một số từ nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn cái đẹp của các sự	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

		bật của sự vật hiện tượng	vật, hiện tượng		
156	Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện			- Thể hiện thái độ thích thú khi nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe và kể câu chuyện - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
157	Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.			- Thể hiện sự vui vẻ, thích thú khi ngắm nhìn tác phẩm tạo hình; Sử dụng những từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục,.. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
158	Trẻ thích thú nghe các âm thanh, giai điệu bài hát khác nhau	Trẻ có thể nhận ra sắc thái vui buồn của bài hát, bản nhạc.	Trẻ có thể nhận ra giai điệu vui buồn của bài hát, bản nhạc (CS99)	- Nghe và nhận ra các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc cổ điển, nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc + Lắng nghe âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Nghe các bài hát, bản nhạc có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau. + Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu (vui, buồn, nhanh, chậm....) qua các trò chơi âm nhạc

159	Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca bài hát phù hợp với độ tuổi	Trẻ có thể hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em theo hướng dẫn	Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.		
						- Thể hiện sắc thái, tình cảm phù hợp với bài hát - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
160	Có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc	Trẻ có thể thể hiện cảm xúc và vận động, phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ theo nhịp, phách - Lòng ghép TCTV	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc - Vận động minh họa (múa, nhảy, ...) phù hợp với nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
						Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu phối hợp
161	Thực hiện được một số kỹ năng đơn giản để tạo sản phẩm	Trẻ biết sử dụng phối hợp các kỹ năng và các nguyên liệu để tạo ra sản phẩm	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS102)	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang. - Xé theo dải, xé vụn và dán. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹp - Xếp chồng, xếp cạnh, ... hột hạt. - Làm đồ chơi từ các nguyên liệu		

				thiên nhiên, từ các vở đồ hộp... - Lòng ghép TCTV	
162	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Trẻ biết cắt, xé theo đường thẳng, đường cong... dán thành sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục.	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Sử dụng kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản: làm rèm cửa, tóc búp bê...	- Sử dụng kỹ năng cắt, xé theo đường thẳng, đường cong... dán thành sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục: Bộ trang phục màu hè của bé, các con vật đáng yêu.... - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cát, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
163	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
164	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra các âm thanh, vận động theo các bản nhạc, bài hát yêu thích (Vỗ tay, lắc mông, đánh vai, lắc lư đầu, sử dụng dụng cụ âm nhạc) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
165	Trẻ có thể lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	Trẻ biết lựa chọn nhạc cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	

166	- Trẻ có thể biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc khi được gọi hỏi	- Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc		- Lắng nghe và phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc - Nghe và nhận ra dụng cụ dân tộc của địa phương - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.		
167	Trẻ có thể nhận xét sản phẩm tạo ra theo khả năng của bản thân	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục đường nét	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	- Nhận xét các nét vẽ, màu sắc, hình dáng của sản phẩm tạo hình - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn về: màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục	
						- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình: Chất liệu, bố cục, màu sắc, tên gọi,... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
168	Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo gợi ý của cô giáo	Trẻ biết nói lên ý tưởng và đặt tên sản phẩm theo ý tưởng của trẻ	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (CS117)	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình		
					- Trả lời câu hỏi của cô về quá trình tạo ra sản phẩm của mình và đặt tên sản phẩm theo ý tưởng	- Tự nghĩ ra tên cho bài hát, bản nhạc khi được nghe nhiều lần - Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc, câu chuyện, đồ vật quen thuộc (một câu hoặc một đoạn),.. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Stt	Chủ đề	Sự kiện	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé	Ngày hội đến trường, Tết trung thu	4 tuần	Từ 08/09/2025 đến 03/10/2025
2	Bản Thân	Ngày 20/10	4 tuần	Từ 06/10/2025 đến 31/10/2025
3	Gia đình	Ngày hội 20/11	4 tuần	Từ 03/11/2025 đến 28/11/2025
4	Bé yêu thích nghề nào?	Ngày 22/12	4 tuần	Từ 01/12/2025 đến 26/12/2025
5	Thế giới động vật trong mắt bé		3 tuần	Từ 29/12/2025 đến 16/01/2026
6	Thế giới thực vật trong mắt bé	Tết Nguyên đán	4 tuần	Từ 19/01/2026 đến 13/02/2026
<i>(Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026)</i>				
7	Phương tiện và luật lệ giao thông	Ngày 8/3	3 tuần	Từ 02/03/2026 đến 20/03/2026
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	Tết Hàn thực (Lễ hội xôi ba màu)	4 tuần	Từ 23/03/2026 đến 17/04/2026
9	Quê hương - Đất nước	Giỗ tổ Hùng Vương Giải phóng Miền Nam 30/4	3 tuần	Từ 20/04/2026 đến 08/05/2026
10	Bác Hồ với thiếu nhi	Sinh nhật Bác, tết thiếu nhi 1/6	2 tuần	Từ 11/05/2026 đến 22/05/2026
			35 tuần	

HIỆU TRƯỞNG



Lương Tố Trinh

